

(Đính kèm Kế hoạch số 2921 /KH-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 10)

(Đính kèm Kế hoạch số 2921 /KH-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 10)

Tên trường	Tên Phường (khu phố)	Tổng số trẻ 6 tuổi tại địa phương			Phân theo Quy định		Số lượng học sinh Lớp 1 dự kiến	Chỉ tiêu Lớp 1 giao các trường	Tiếng Anh tăng cường	Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Ghi chú
					Tổng số lớp 1	Sĩ số học sinh/lớp						
TỔNG CỘNG		2,130			61	35	2,230	63	56	7	62	
Hồ Thị Kỷ	160				4.57	35	175	5	5	0	5	
	Phường 1	126										
	Phường 10	34										
	khu phố 1	20										
	khu phố 2	14										
Trương Định	148				4.23	35	140	4	4	0	4	
	Phường 2:	88										
	khu phố 2,	26										
	khu phố 3.	23										
	khu phố 6	21										
	Khu phố 7	18										
	Phường 9	60										
	Khu phố 3	60										
Trần Nhân Tôn	156				4.46	40	160	4	4	0	4	
	Phường 2:	99										
	khu phố 1	28										
	khu phố 4,	22										
	khu phố 5	30										
	khu phố 8	19										
	Phường 9	57										
	khu phố 2	57										

Tên trường	Tên Phường (khu phố)	Tổng số trẻ 6 tuổi tại địa phương			Phân theo Quy định		Số lượng học sinh Lớp 1 dự kiến	Chỉ tiêu Lớp 1 giao các trường	Tiếng Anh tăng cường	Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Ghi chú
		Thường trú	KT3	Tạm trú	Tổng số lớp 1	Sĩ số học sinh/ lớp						
Trần Quang Cơ	182				5.2	40	200	5	5	0	5	
	Phường 4	91										
	Phường 9	91										
	khu phố 4	91										
Nguyễn Chí Thanh	106				3.03	35	105	3	3	0	3	
	Phường 5	86										
	Phường 8	20										
	Khu phố 2	20										
Dương Minh Châu	167				4.77	35	175	5	4	1	5	
	Phường 6	109										
	Phường 14	58										
	khu phố 6,	19										
	khu phố 7,	21										
	khu phố 8.	18										
Trần Văn Kiêu	97				2.77	35	105	3	3	0	3	
	Phường 7	60										
	Phường 8	37										
	Khu phố 1	25										
	Khu phố 3	12										
Nhật Tảo	60				1.71	35	70	2	2	0	2	
	Phường 9:	60										
	Khu phố 1,	60										
Điện Biên	93				2.7	35	105	3	3	0	3	
	Phường 11	68										
	Phường 10	25										
	Khu phố 3	25										

Tên trường	Tên Phường (khu phố)	Tổng số trẻ 6 tuổi tại địa phương			Phân theo Qui định		Số lượng học sinh Lớp 1 dự kiến	Chỉ tiêu Lớp 1 giao các trường	Tiếng Anh tăng cường	Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Ghi chú
					Tổng số lớp 1	Sĩ số học sinh/lớp						
Hoàng Diệu	73				2.086	35	70	2	2	0	2	
	Phường 12:	73										
	Khu phố 3,	44										
	khu phố 8	24										
	khu phố 4 (địa chỉ số chẵn đường Sư Vạn Hạnh trở về Cách Mạng Tháng Tám)	5										
Triệu Thị Trinh	105				3.00	35	140	4	3	1	4	
	Phường 12:	57										
	Khu phố 1,	14										
	khu phố 2	43										
	Phường 13: (có địa chỉ đường Hòa Hưng và khu nhà tập thể Trại giam Chí Hòa)	48										
Thiên Hộ Dương	147				4.20	35	140	4	3	1	4	Giảm số lớp để dồn lớp theo Kế hoạch xây dựng mới khu A-B
	Phường 12:	147										
	khu phố 5,	37										
	khu phố 6,	73										
	khu phố 7	26										
	khu phố 4 (có địa chỉ số lẻ đường Sư Vạn Hạnh trở lên đường Tô Hiến Thành)	11										

Tên trường	Tên Phường (khu phố)	Tổng số trẻ 6 tuổi tại địa phương			Phân theo Qui định		Số lượng học sinh Lớp 1 dự kiến	Chỉ tiêu Lớp 1 giao các trường	Tiếng Anh tăng cường	Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Ghi chú
		Thường trú	KT3	Tạm trú	Tổng số lớp 1	Sĩ số học sinh/lớp						
Lê Thị Riêng	130				3.71	35	140	4	3	1	4	
	Phường 13	130										
Lê Đình Chinh	120				3.43	35	140	4	4	0	4	
	Phường 14:	120										
	Khu phố 3,	13										
	khu phố 4,	15										
	khu phố 5,	12										
	khu phố 9,	47										
	Khu phố 10	33										
Võ Trường Toàn	131				4.37	30	120	4	2	2	3	Trường thực hiện mô hình tiên tiến
	Phường 14:	131										
	Khu phố 1,	20										
	khu phố 2,	22										
	khu phố 11,	37										
	khu phố 12.	52										
Tô Hiến Thành	78				2.23	35	70	2	2	0	2	
	Phường 15:	78										
	Khu phố 1,	21										
	khu phố 3,	25										
	khu phố 4	32										
Bắc Hải	177				5.06	35	175	5	4	1	5	
	Phường 15:	177										
	Khu phố 2,	40										
	khu phố 5,	23										
	khu phố 6,	40										
	khu phố 7,	40										
	khu phố 8.	34										

(Đính kèm Kế hoạch số 2921 /KH-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 10)

Trường THCS	Phường (khu phố)	Tổng số HỌC SINH hoàn thành Tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Ghi chú
			Tổng số lớp 6	Sĩ số HS / lớp	Số lớp					
					Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	
TỔNG CỘNG		1,888	53		18	35	27	3	26	
Sương Nguyệt Anh	308		5	45	3	2	2	0	0	
	Phường 1	105								
	Phường 2	120								
	HS Lớp 5 HKNQ các trường HTK, TĐ, TNT	31								
	HS GDĐB	46								
Hoàng Văn Thụ	416		10	45	7	3	3	0	3	
	Phường 4	88								
	Phường 5	83								
	Phường 8	87								
	Phường 9	113								
	HS Lớp 5 HKNQ các trường TQC, NCT, TVK, NT	35								
	HS GDĐB	10								
Nguyễn Tri Phương	175		4	45	0	4	3	0	4	
	Phường 6	84								
	Phường 7	63								
	HS Lớp 5 HKNQ các trường DMC, TVK)	27								
	HS GDĐB	1								
Lạc Hồng	194		5	45	3	2	4	0	2	
	Phường 12:	103								
	Khu phố 4, khu phố 5, khu phố 6, khu phố 7.									
	Phường 10	73								
	HS Lớp 5 HKNQ trường TTT, THD	14								
	HS GDĐB	4								

Trường THCS	Phường (khu phố)	Tổng số HỌC SINH hoàn thành Tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận					Ghi chú
			Tổng số lớp 6	Sĩ số HS / lớp	Số lớp					
					Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	
Cách Mạng Tháng Tám	151		4	45	0	4	2	0	2	
	Phường 12:	95								
	Khu phố 1, 2, 3, 8.									
	Phường 11	32								
	HS Lớp 5 HKNQ trường HD	19								
	HS GDĐB	5								
Hoà Hưng	163		5	45	0	5	2		5	
	Phường 13 149									
	Học sinh Lớp 5 HKNQ trường LTR	14								
Diên Hồng	254		5	45	3	2	1	0	0	
	Phường 14	215								
	Học sinh Lớp 5 HKNQ trường LDC, VTT	36								
	HS GDĐB	3								
Trần Phú	227		5	4*45 1*30	2	3	2	1		
	Phường 15	190								
	Học sinh Lớp 5 HKNQ trường THT, BH	34								
	HS GDĐB	3								
Nguyễn Văn Tổ	14 Phường		10	30	0	10	8	2	10	300
		Chỉ tính các trường THCS công lập (8 trường)								



**BẢNG SỐ LIỆU LỚP 6 TĂNG CƯỜNG NGOẠI NGỮ VÀ ĐỀ ÁN "DẠY HỌC CÁC MÔN
TOÁN, KHOA HỌC VÀ TIẾNG ANH TÍCH HỢP CHƯƠNG TRÌNH ANH VÀ VIỆT NAM"
TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NĂM HỌC 2021 - 2022**

(Đính kèm Kế hoạch số 2921 /KH-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Quận 10)

STT	Trường trung học cơ sở	Số lớp tăng cường	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
1	THCS-THPT Sương Nguyệt Anh	2	80	40	
2	THCS-THPT Diên Hồng	1	40	40	
3	THCS Hoàng Văn Thụ	3	120	40	
4	THCS Nguyễn Tri Phương	3	105	35	
5	THCS Cách Mạng Tháng Tám	2	70	35	
6	THCS Lạc Hồng	4	160	40	
7	THCS Hòa Hưng	2	45	45	
8	THCS Trần Phú	2	80	40	
9	THCS Nguyễn Văn Tố	8	240	30	
	CỘNG	27	940		

2. Tuyển sinh vào Lớp 6 theo Đề án “Dạy học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam” (Lớp EMG)

STT	Trường trung học cơ sở	Số lớp Tích hợp	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
1	THCS Trần Phú	1	30	30	
2	THCS Nguyễn Văn Tố	2	60	30	
	CỘNG	3	90		

Ghi chú: Tùy tình hình thu nhận của các trường.